

MỘT VÀI GỢI Ý VỀ CÁCH CHUYỂN DỊCH NGHĨA CỦA THỜI QUÁ KHỨ KÉP TRONG TIẾNG PHÁP SANG TIẾNG VIỆT

TS. Vũ Thị Ngân

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp
Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội*

Tiếng Pháp và tiếng Việt là hai ngôn ngữ có đặc thù hoàn toàn khác nhau, cách biểu hiện các phạm trù ngữ pháp, đặc biệt là phạm trù thời thể rất khác nhau. Tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình, do đó động từ không mang các ý nghĩa về thời, thể. Các ý nghĩa này thông thường được chuyển tải qua cảnh huống, qua các từ chỉ thời gian hiện hữu trực tiếp trong câu như “hôm nay”, “ngày mai”, “tý nữa”, “năm sau” vv. Các trạng từ như “đã”, “đang”, “sẽ”, “rồi”... không chỉ thời mà mang ý nghĩa về thể, (về các từ này, có thể xem chi tiết trong bài viết của Cao Xuân Hạo, đăng trên tạp chí Ngôn ngữ, số 5, 1998).

Tiếng Pháp là loại ngôn ngữ biến hình: mỗi dạng thức của động từ có thể chuyển tải nhiều ý nghĩa về thời thể khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh. Mặt khác, khi diễn tả các hoạt động xảy ra trong quá khứ, người Pháp sử dụng một loạt các thời quá khứ được biểu đạt bằng những dạng thức khác nhau của động từ nhân xưng, với những đặc trưng ngữ nghĩa và ngữ pháp rất khác nhau.

Sự phong phú về các thời quá khứ cũng như sự đa dạng về nghĩa của chúng khiến cho học sinh Việt Nam rất lúng túng khi sử dụng chúng trong giao tiếp, nhất là khi bước đầu làm quen với công việc dịch thuật. Một trong những thời quá khứ có tần số sử dụng cao và đồng thời cũng gây nhiều khó khăn nhất do tính đa nghĩa của nó, đó là thời quá khứ kép (passé composé) viết tắt là QKK.

Nhằm góp phần giải quyết những khó khăn trên, trong phạm vi báo cáo này chúng tôi muốn đưa ra một số gợi ý có tính chất tham khảo

về cách chuyển dịch các ý nghĩa của thời QKK tiếng Pháp trong cảnh ngữ sang tiếng Việt.

Sau khi khảo sát và phân tích các ý nghĩa của thời QKK trong cảnh ngữ, chúng tôi thấy các ý nghĩa của thời này có thể gộp vào ba nhóm lớn, mỗi nhóm lớn gồm ba nhóm nhỏ mang các sắc thái nghĩa khác nhau mà khi chuyển dịch sang tiếng Việt cần phải chú ý đến các đặc thù riêng của tiếng Pháp cũng như tiếng Việt để sử dụng các tiểu từ tiếng Việt phù hợp.

Chúng tôi xin trích dịch một số đoạn văn của các nhà văn Pháp như A. Maurois, S. Exupéry và chia các câu trích dịch theo ba nhóm nghĩa lớn.

1. NHÓM I

Đây là nhóm mà động từ khi được chia ở thời QKK biểu thị các hoạt động-sự kiện xảy ra trong quá khứ. Các hoạt động hoặc sự kiện mang tính ngẫu nhiên, không được tính đếm trước. Đối với nhóm này, chúng tôi nhận thấy **không nhất thiết phải dùng "đã" hoặc "rồi" để chuyển dịch**, bởi vì khi kể hoặc nói về các sự kiện xảy ra, đối với người Việt, bản thân khung câu chuyện kể đã cho phép ta định vị được các hành động quá khứ mà không phải dùng đến "đã" hoặc "rồi" như một số người vẫn nghĩ, nhất là khi trong cảnh huống đã có các từ chỉ thời gian xác định rõ thời điểm sự tình diễn ra. Có 3 sắc thái nghĩa trong nhóm này:

Nhóm I.1: Là nhóm mà hành động xảy ra được đóng khung trong một câu chuyện kể, không có từ chỉ thời gian hiện hữu trong cảnh ngữ. Khi chuyển dịch, không cần phải dùng thêm tiểu từ chỉ thời gian nào của tiếng Việt cả.

1- Quand Hélène revint, une heure plus tard, une voisine lui dit:

- *Je l'ai vu*, vot'Renaud; il courait sur la route; *j'ai appelé* mais il s'est point seulement retourné.

Một giờ sau, Hélène trở về, bà hàng xóm kể lại:

Tôi trông thấy anh ấy, anh Renaud của chị. Anh ấy chạy trên đường, tôi gọi nhưng anh ấy không hề ngoái đầu lại.

2- Le premier soir ***je me suis endormi*** sur le sable à mille milles de toute terre habitée. J'étais bien plus isolé qu'un naufragé sur un radeau au milieu de l'océan. Alors vous imaginez ma grande surprise, au lever du jour, quand une drôle de petite voix m'a réveillé (...). ***J'ai sauté sur mes pieds*** comme si j'avais été frappé par la foudre. ***J'ai bien frotté mes yeux. J'ai bien regardé. Et j'ai vu*** un petit bonhomme tout à fait extraordinaire qui me considérait gravement.

(Saint-Exupéry, Le petit prince)

Buổi tối đầu tiên, tôi ngủ trên cát, cách xa vùng có người ở đến hàng nghìn dặm. Tôi còn sợ hơn nhiều so với kẻ đắm tàu trên bè ở giữa đại dương. Vậy mà các bạn hãy tưởng tượng xem tôi ngạc nhiên biết bao khi, mờ sáng hôm sau, có một giọng nói nhỏ nhẹ, lạ lùng đánh thức tôi dậy. (...) Tôi bật lên như bị sét đánh. Tôi dụi mắt. Tôi nhìn kỹ. Tôi nhìn thấy một cậu bé hết sức dị thường đang nghiêm trang nhìn tôi.

Nhóm I.2. Là nhóm mà động từ chia ở thời QKK, nhưng trong cảnh ngữ thường có thêm các trạng từ chỉ rõ thời điểm xảy ra hành động, Khi chuyển dịch sang tiếng Việt, bản thân các trạng từ chỉ thời gian đã cho phép định vị hành động trong quá khứ nên ta cũng không cần phải dùng thêm một tiểu từ nào của tiếng Việt cả.

3- Cette histoire est une histoire vraie. Elle ***s'est passée en 1945***, dans un village de France que nous appellerons Chardeuil, bien que ce ne sont pas son nom réel, que nous ne pouvons donner, pour des raisons évidentes.

(Le retour d'un prisonnier, A. Maurois)

Đây là một câu chuyện có thật. Nó xảy ra năm 1945, tại một làng ở nước Pháp mà chúng tôi gọi là làng Chardeuil mặc dù đó không phải là tên thật của làng đó nhưng vì những lý do hiển nhiên chúng tôi không thể nêu nên được.

4- Eugéne, me dit-elle un soir, est d' intôlligence admirable. Il pense à tout. ***Cette nuit, il a tout d'une coup eu l'idée*** qu'ils pourraient, pour empêcher la thésaurisation des billets, les rappeler et les échanger. En ce cas, nous serions forcés de les déclarer.

(Le malédiction de l'or, A. Maurois)

Một buổi tối bà ta nói với tôi : "Eugène là một người vô cùng thông minh. Ông ấy nghĩ đến tất cả. **Đêm vừa rồi, ông ấy bỗng nảy ra ý là một khi muốn ngăn chặn việc tích trữ tiền giấy, người ta có thể thu hồi toàn bộ tiền về và đổi sang một thứ tiền khác.**

5. Vous ne savez pas? **Elle est morte le mois dernier**, d'une maladie de cœur, je crois et depuis ce jour-là, je n'ai plus revu le mari.

(Le malédiction de l'or, A. Maurois)

Ông không biết gì sao? **Bà vợ vừa mất tháng trước**, vì bệnh tim thì phải và từ đó tôi không gặp ông chồng nữa.

Nhóm I.3. Khác với hai nhóm trên. đây là nhóm mà các hành động có một trật tự trước sau lô gích chỉ nguyên nhân-hậu quả giữa hai sự kiện, do đó ta phải dùng "**đã**" để diễn đạt hoạt động-sự kiện là nguyên nhân của một trạng thái hoặc một hành động khác:

6- . Tiens, **il a plu**. Tout est mouillé.

Này, **trời đã mưa này**. Mọi thứ đều ướt hết cả.

7- Il y a des traces de boue sur le tapis. **Quelqu'un est entré** avant nous.

Có những vết bùn trên thảm. Ai đó đã vào trước chúng ta.

8- Elle bondit chez le maire, qui ne savait rien

- J'ai peur, Monsieur le Maire... J'ai grand-peuru Renaud, avec son air dur, est un homme jaloux, sensible... **Il a vu deux couverts...** Il n'a pas du comprendre que c'ôtait lui que j'attendais...

Chị chạy vội đến nhà ông xã trưởng nhưng ông này cũng chẳng biết gì cả.

- Tôi sợ, ông xã trưởng ơi, tôi sợ lắm.. Anh Renaud có vẻ cứng rắn nhưng lại dễ xúc động và cả ghen.. Anh ấy **đã nhìn thấy** hai bộ đồ ăn trên bàn.. Chắc anh ấy không hiểu là tôi đợi anh ấy..

Tu as un drôle d'air, dit-elle.

- **J'ai dormi** sur le pont, je n'ai jamais dormi comme ça (M. Duras)

Anh có vẻ lạ lùng thế nào ấy, nàng nói.

- **Anh đã ngủ trên cầu**, anh chưa bao giờ ngủ như vậy.

2. NHÓM II

Nhóm hai là nhóm mang ý nghĩa một kinh nghiệm, một thuộc tính nào đó của chủ thể trong quá khứ nên khi chuyển dịch, tùy theo ý nghĩa của từng nhóm nhỏ mà dùng các tiểu từ thích hợp.

Nhóm II.1. Nhóm này mang ý nghĩa một "*kinh nghiệm từng kinh qua*", theo ý chúng tôi, nên chuyển dịch sang tiếng Việt bằng từ "*vốn*"

10- Albert Camus *a été* votre ami...

- Oui

- J'ai dit "a été" car il y a eu rupture.. (Radioscope)

- *Albert Camus vốn là bạn ông..*

- *Phải*

- *Tôi nói "vốn" vì có sự đoạn tuyệt giữa hai người*

11- Tu me fais rire! Il n'y a jamais eu d'autres hommes pour Marthes.. *On a toujours été heureux ensemble*

(Maurois, Le retour du prisonnier)

Cậu buồn cười thật. Với Marthes chả bao giờ có người đàn ông nào khác.. Chúng tôi vốn sống rất hạnh phúc bên nhau.

Nhóm II.2. Đây là nhóm mà thời QKK chỉ một kinh nghiệm, một thuộc tính đã qua của chủ thể. Để diễn tả ý nghĩa này, thông thường phải dùng nhóm từ "*đã từng*" của tiếng Việt thì mới lột tả được rõ nghĩa của thời QKK:

12- Léon Laurent, *qui a eu un rôle si heureux* dans la renaissance du théâtre en France entre les deux guerres, semblait à première rencontre aussi peu "cabotin" que possible.

(A. Maurois, Myrryne)

Léon Laurent, người đã từng đóng vai trò rất xứng đáng trong sự phục hưng của nền sân khấu Pháp giữa hai cuộc chiến, chả có dáng dấp "nghệ sĩ" chút nào nếu mới gặp lần đầu.

13- Toutes les grandes personnes ont d'abord été des enfants. (Mais peu d'entre elles s'en souviennent)

(Saint-Exupéry, Le petit prince)

Tất cả những người lớn cũng đã từng là trẻ con (Nhưng ít người nhớ được điều đó).

Nhóm II.3. Thời QKK trong nhóm này mang ý nghĩa một "sự việc, một kinh nghiệm được trải nghiệm qua". Khi chuyển dịch, nên dùng nhóm từ "**đạt được**" hoặc "**đoạt được**"

14- C'est quelqu'un de très doué. *Il a eu son bachot à quinze ans.*

Đó là người rất giỏi giang. Anh ấy đoạt được bằng tú tài lúc mới 15 tuổi.

3. NHÓM III

Nhóm ba là nhóm mà sự tinh thông thường đã hiển diện độc lập trong ngữ cảnh dưới dạng việc phải làm. Việc định vị trong thời gian làm cho sự tinh mang ý nghĩa hoàn thành. Các sắc thái nghĩa của thời QKK trong nhóm này cũng rất đa dạng, do đó việc chuyển dịch sang tiếng Việt cũng phải dùng các tiểu từ khác nhau để diễn đạt các sắc thái đó.

Nhóm III.1. Trong nhóm này, thời QKK mang sắc thái nghĩa việc phải làm đã làm xong. Khi dịch sang tiếng Việt, theo chúng tôi nên dùng nhóm từ "*đã xong*", hoặc đôi khi chỉ cần một từ "*đã*"

15- Monsieur, *j'ai rédigé la lettre* que vous aviez demandée: Voulez-vous signer?

Thưa ông, tôi đã thảo xong bức thư mà ông yêu cầu. Ông ký chứ ạ?

16- Et sur les indications du petit prince, *j'ai dessiné* cette planète-là.

(Saint-Exupéry, *Le petit prince*)

Và thế là theo chỉ dẫn của cậu hoàng tử, tôi đã vẽ xong cái hành tinh đó

Pourquoi n'y-a-t-il pas dans ce livre d'autres dessins aussi grandioses que le dessin des baobabs? La réponse est bien simple: *j'ai essayé mais je n'ai pas pu réussir.* (Saint-Exupéry, *Le petit prince*)

Tại sao trong cuốn sách này không có bức vẽ nào to lớn bằng bức vẽ các cây bao-bá? Câu trả lời thật đơn giản: tôi đã thử vẽ nhưng đã không thành

Nhóm III.2. Đây là nhóm mà trạng thái hoàn thành của sự tinh ở thời điểm nói (To) được nhấn mạnh, do đó khi chuyển dịch ý nghĩa này, theo chúng tôi nên dùng nhóm từ "*xong rồi*" hoặc "*rồi*".

17- Paul, tu as fait tes devoirs?
Oui, (C'est fait), **je les ai faits**, maman.
Paul, con làm bài chưa?

- **Rôi, con làm xong rồi, mẹ ạ.**

18- *Vous avez trouvé le coupable?*

- Oui.

(Dialogues enregistrés à la télévision française)

Các ông tìm ra thủ phạm rồi à?

Phải.

(Các đoạn hội thoại ghi từ vô tuyến Pháp)

Nhóm III.3. Nhóm ba là nhóm mang ý nghĩa tiêu biểu của cả nhóm. Đây là nhóm mà có sự tương phản giữa cái phải làm và cái đã làm xong. Thời QKK có ý nghĩa một việc "hoàn thành trọn vẹn" (parfait). Để dịch ý nghĩa này, chúng tôi thấy phải dùng cả cụm từ "đã..rồi".

19- **Rasure-toi, j'ai fait la réservation.**

*Cậu yên tâm. **Minh đã giữ chỗ rồi.***

20. Et que va devenir le chien de monsieur Bordacq?

- Personne ne le réclamait, dit-il. **Nous l'avons donné à la fourrière**

(Maurois, La malédiction de l'or)

Thế còn con chó của ông Bordacq sẽ ra sao nhỉ?

- **Chẳng có ai xin cả. Chúng tôi đã giao nó cho sở quản lý súc vật vô chủ rồi.**

Như chúng tôi đã nói, trên đây chỉ là các gợi ý có tính chất tham khảo cách chuyển dịch các ý nghĩa của thời QKK trong cảnh ngữ. Ta cũng thấy không phải nhóm nghĩa nào cũng được chuyển dịch với "đã" hoặc "rồi" của tiếng Việt, nhất là khi trong cảnh ngữ đã có từ chỉ thời gian xác định rõ thời điểm xảy ra hành động.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng đôi khi việc phân biệt giá trị của từng nhóm nhỏ trong mỗi nhóm lớn là việc không đơn giản, nhất là khi ngữ cảnh không thật rõ ràng, do đó phải dựa vào ý của cả đoạn để xác định giá trị của thời QKK.

Chúng tôi mong muốn, qua gợi ý về cách chuyển dịch các ý nghĩa của thời QKK, đóng góp phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu so sánh các phương thức biểu đạt ý nghĩa quá khứ của hai thứ tiếng, và trong một chừng mực nào đó, vào công việc dịch thuật từ tiếng Pháp sang tiếng Việt và ngược lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

CAO XUÂN HAO, "Về ý nghĩa "thì" và "thế" trong tiếng Việt", Tạp chí Ngôn ngữ, Viện Ngôn ngữ, số 5, 1998

Tài liệu tiếng pháp

1. BENVENISTE, E, *Problèmes de la linguistique générale*, tome I et II, NRF, Galimard, Paris, 1966, 1974
2. FRANCKEL, J.J. *Etude de quelques marqueurs aspectuels du français*, Droz, Genève, 1989
3. GOSSELIN, L. *Sémantique de la temporalité en français, Un modèle calculatoire et cognitif du temps et de l'aspect*, Duculot, 1996
4. MARTIN, R. *Temps et aspect. Essai sur l'emploi des temps naratifs en moyen français*, Klincksieck, 1980
5. MARTIN, R. *Temporalité et "classes de verbes"*, in *L'information grammaticale*, No 39/oct, 1988
6. VET, C. *Temps, aspect et adverbes de temps en français contemporain*, Droz, 1980
7. VICTORRI, B et FUCHS, C. *Polysémie et Construction dynamique du Sens, de la description linguistique à un modèle morphodynamique*, Hermès, 1996
8. VU THI NGAN. "Temps, Aspect et Modalité en Vietnamien: contribution à l'étude du marqueur DA", in BULAG, No 12, Université de Franche-Comté, Besancon, 1985
9. VU THI NGAN. *Systématique des valeurs du passé composé en français contemporain*, Thèse de Doctorat en linguistique, Université de Paris 7, 1998.
10. WAGNER, RL et PINCHON, J. *Grammaire du français classique et moderne*, Hachette, 1968.